

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 27 - 9 - 2022

“Tranh chấp về thừa kế di sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Việt, ông Kha Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lựu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp thừa kế di sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 523/2022 ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1938.

Nơi đăng ký NKTT: Khối 7/8 thị trấn C C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 17, xã N P, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Phòng 11 Chung cư C5, khối 8, phường Q T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Phòng 711, chung cư Green View, phường L L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm 17, xã N P, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bà L, ông D, ông T ủy quyền cho ông T đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2022. Bà L, ông T, ông D vắng mặt. Ông T có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.
2. Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1983.
3. Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1995.

Đều có địa chỉ: Khối 6 thị trấn C C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Chị T, anh C vắng mặt. Chị H vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khối 6 thị trấn C C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án tại phân trại K1 - Trại giam số VI - Bộ Công an đóng tại xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Bà T vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Tiến D trình bày: Bố mẹ các ông là các cụ Nguyễn Như B và Nguyễn Thị Bích L trú tại khối 8 thị trấn C C (hiện nay là khối 7/8), huyện C C, tỉnh Nghệ An sinh được 04 người con gồm: Nguyễn Phi H sinh năm 1956 chết năm 2019, Nguyễn Tiến D sinh năm 1958, Nguyễn Anh T sinh năm 1960 và Nguyễn Anh T sinh năm 1960. Ông D, ông T và ông T đều sinh sống tại Vinh. Ông H có vợ là bà Nguyễn Thị T sinh năm 1956, bà T hiện đang chấp hành án chấp hành án tại phân trại K1 - Trại giam số VI - Bộ Công an đóng tại xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông H và bà T có ba người con là chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Cao C. Ngày 03/01/2022 cụ B chết không để lại di chúc, hiện nay cụ L đã già yếu, bệnh tật không còn minh mẫn nên các ông đưa cụ ông về sinh sống với ông T. Di sản của cụ B để lại gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 cột kê xây bao xung quanh; 01 thửa đất số 53 tờ bản đồ số 8 có diện tích 379m². Nhà và đất có địa chỉ tại khối 8 thị trấn C C (nay là khối 7/8), huyện C C, tỉnh Nghệ An. Nay cụ L và các con của cụ khởi kiện yêu cầu

tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ B để lại để mỗi thành viên được hưởng một phần tài sản thừa kế nói trên.

Quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Ông bà nội chị là các cụ Nguyễn Như B và Nguyễn Thị Bích L sinh sống tại khối 8 thị trấn C C (hiện nay là khối 7/8), huyện C C, tỉnh Nghệ An. Ông bà sinh được 4 người con là bố chị là ông Nguyễn Phi H chết năm 2019, ông Nguyễn Tiến D, ông Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Anh T. Mẹ của chị là bà Nguyễn Thị T hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam số VI, các em của chị là chị Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Cao C hiện nay đang đi làm ăn không có mặt tại địa phương. Ông nội chị là cụ B mất năm 2022, cụ L đã già yếu sống cùng ông T. Di sản của cụ B để lại là 01 ngôi nhà cấp 4 cột kê xây bao xung quanh; 01 thửa đất số 53 tờ bản đồ số 8 có diện tích 379m². Nhà và đất có địa chỉ tại khối 7/8 thị trấn C C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Cụ B chết các bên không thống nhất được cách chia thừa kế nên ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ B để thì chị cũng nhất trí chia theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Chồng bà là ông Nguyễn Phi H chết năm 2019. Bà và ông H có ba người con là chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Cao C. Bố mẹ chồng bà là các cụ Nguyễn Như B chết tháng 01/2022 và cụ Nguyễn Thị Bích L. Về tài sản các cụ để lại như nguyên đơn trình bày bà nhất trí và không có ý kiến bổ sung gì thêm. Nay cụ B chết, cụ L và các con cụ L làm đơn yêu cầu chia di sản của cụ B để lại thì bà cũng nhất trí chia theo pháp luật để các đồng thừa kế mỗi người hưởng một ít. Phần của ông H chồng bà, của bà thì bà giao lại cho chị H quản lý.

Ngày 11/8/2022 Tòa án tiến hành lập đoàn xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại buổi làm việc Tòa án đã tiến hành đo vẽ, xác định mốc giới, các tài sản trên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 8 tại khối 7/8 thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An (có sơ đồ kèm theo). Tuy nhiên trong quá trình làm việc có xảy ra tranh chấp về mốc giới với hộ liền kề dẫn đến thay đổi về diện tích so với trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cụ B bà cụ L và ảnh hưởng đến ngôi nhà là tài sản trên đất (mất đi giá trị sử dụng) nên ông T thống nhất với các đồng nguyên đơn không yêu cầu định giá các tài sản trên đất mà chỉ định giá thửa đất nói trên. Các bên đã lập biên bản thỏa thuận lại mốc ranh giới để có căn cứ giải quyết vụ án và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/8/2022 xác định: Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 8 thuộc khối 7/8 thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An có diện tích 366,5 m² đất ở. Ngoài ra trên đất còn có các tài sản: 01 nhà gỗ cột kê, mái ngói; 01 nhà bếp xây bằng gạch chỉ, mái ngói, nền láng xi măng; Mái tôn nối nhà chính và nhà bếp; Tấm chắn mái tôn ngăn cách nối liền với mái tôn phía trên ngăn cách với thổ cư ông Nguyễn Đức Sơn; 01 nhà kho bằng tôn không cửa khung thép hộp, thưng tôn; Mái tôn trước sân nhà chính.

Tài sản tranh chấp được định giá: Đất ở: 879.600.000 đồng. Các tài sản trên đất nguyên đơn không yêu cầu định giá nên Hội đồng không xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 610, Điều 312, Điều 613; Điều 623; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 616; Điều 617; Điều 648 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 66 của Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu chi di sản thừa kế của nguyên đơn; Về án phí áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp chia di sản thừa kế là 366,5m² đất thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 8 tại khối 7/8 thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB

831520 ngày 22/11/2005 nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm c khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2022, các đồng nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế là thừa đất số 53, tờ bản đồ số 8 và 01 ngôi nhà trên đất tại khối 7/8, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ các nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 53, tờ bản đồ số 8. Xét, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hợp pháp, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, các đương sự trong vụ án không ai có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế là thừa đất số 53, tờ bản đồ số 8 tại khối 7/8 thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do, bị đơn chị H vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn anh C và chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng với quy định tại Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, tại phiên tòa sơ thẩm có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Các đồng nguyên đơn là cụ L, ông D, ông T, ông T khởi kiện chia di sản thừa kế là thừa đất số 53, tờ bản đồ số khối 8 có diện tích 366,5m² tại khối 7/8 thị trấn Con Cuông. Huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xác định di sản thừa kế: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, chứng cứ mà Tòa án xác minh thu thập được có đủ cơ sở để xác định: Thừa đất số 53, tờ bản đồ số 8 tại khối 7/8 thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An hiện đang do ông Nguyễn Anh T quản lý. Do các đồng thừa kế đều thống nhất cụ B chết tháng 01/2022 nên Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích của thừa đất số 53, tờ bản đồ số 8 là 366.5m², giảm diện tích so với trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB ngày 22/11/2005 là do các bên đương sự và các hộ gia đình có mốc ranh giới liền kề thừa đất đã tự nguyện thỏa thuận lại mốc ranh giới (có biên bản thỏa thuận bút

lục số). Sự thỏa thuận đó phù hợp với lịch sử để lại, không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[2.2] Thời điểm mở thừa kế: Cụ B chết vào ngày 03/01/2022 (trích lục khai tử bút lục số 04). Căn cứ vào Điều 611 của Bộ luật dân sự xác định thời điểm mở thừa kế di sản của cụ B là ngày 03/01/2022.

[2.3] Về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật:

Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật: Căn cứ vào quy định tại điều 651 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định tại thời điểm cụ Bình chết hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm 5 người là: Cụ L (vợ cụ B), 04 người con: Ông Nguyễn Phi H (chết năm 2019), ông Nguyễn Tiến D, ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Anh T.

Ông Nguyễn Phi H chết năm 2019 có vợ là bà Nguyễn Thị T và 03 người con được hưởng suất thừa kế của ông theo quy định tại Điều 651 và Điều 652 của Bộ luật Dân sự.

Do các đương sự đều muốn nhận kỷ phần của mình quy bằng tiền, do di sản thừa kế nêu chia nhỏ bằng hiện vật cho các đồng thừa kế sẽ mất đi giá trị sử dụng nên Tòa án thống nhất cách chia định giá đất bằng tiền và chia cho các đồng thừa kế.

Xét di sản là thửa đất số 53, tờ bản đồ số 8 tại khối 7/8 thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, từ khi ông B chết ông T đang là người trực tiếp quản lý di sản do cụ L đã già yếu, bệnh tật không còn minh mẫn, ông T và ông D đã già, mắc bệnh hiểm nghèo nên không thể đi lại được nên việc giao cho ông T tiếp tục quản lý di sản đó là phù hợp. Tại biên bản định giá tài sản ngày 11/8/2022 Hội đồng định giá và các đương sự đều thống nhất trị giá của thửa đất là 879.600.000 đồng (Tám trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Cụ B chết, cụ L là vợ hợp pháp của cụ B. Di sản của cụ B để lại là tài sản chung của vợ chồng vì thế căn cứ vào Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình xác định phần di sản của cụ B để lại là: $879.600.000 : 2 = 439.800.000$ đồng.

Như vậy phần tài sản của cụ B và cụ L là 439.800.000 đồng (Bốn trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Phần của cụ B trên chia cho 5 suất thừa kế mỗi suất được hưởng là: $439.800.000 : 5 = 87.960.000$ đồng (Tám mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong phần của ông Nguyễn Phi H chết không để lại di chúc, phần của ông H chia theo hàng thừa kế thứ nhất gồm có 5 suất (cụ L là mẹ ông H, bà T là vợ ông H, các con của ông H là chị H, chị T và anh C) mỗi người được hưởng số tiền là: $87.960.000 : 5 = 17.592.000$ đồng (mười bảy triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Như vậy, các phần kỹ phần thừa kế được chia như sau:

Cụ L: $439.800.000 + 87.960.000 + 17.592.000 = 545.352.000$ đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Ông D, ông T, ông T mỗi người được hưởng: 87.960.000 đồng (Tám mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

Bà T, chị H, chị T, anh C mỗi người được hưởng: 17.592.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng).

[3]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật, tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 15.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 15.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[4] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với kỹ phần thừa kế được hưởng. Nguyên đơn bà L, ông D, ông T, ông T chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ trong tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000514 ngày 15/7/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 610, Điều 312, Điều 613; Điều 623; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 616; Điều 617; Điều 648 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 66 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/201 - của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

1. Chia thừa kế theo pháp luật thừa đất số 53, tờ bản đồ số 8 có diện tích 366,5m² có địa chỉ tại khối 7/8 thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An là di sản của cụ Nguyễn Như B (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 831520 cấp ngày 22/11/2005.

[1.1] Phân chia di sản cho các đồng thừa kế cụ thể như sau:

Giao cho ông Nguyễn Anh T quản lý toàn bộ thừa đất số 563, tờ bản đồ số 8 có diện tích 379m² được đo lại theo hiện trạng ngày 11/8/2022 là 366,5m² tại khối 7/8 thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường liên xã đi thác Khe Kèm là 14,40m.
- Phía Nam giáp với lèn đá là 14,75m.
- Phía Đông giáp với thổ cư ông Nguyễn Đức Sơn 27,83m.
- Phía Tây giáp với thổ cư bà Võ Thị Chút 22,89m.

[1.2] Ông T có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên động đo đạc ngày 11/8/2022 và biên bản thỏa thuận mốc ranh giới với hộ liền kề (có sơ đồ và biên bản kèm theo).

Ông T có nghĩa vụ phải thanh toán tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế khác được hưởng cụ thể:

Cụ L được hưởng 545.352.000 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Ông D, ông T, ông T mỗi người được hưởng: 87.960.000 đồng (Tám mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

Bà T, chị H, chị T, anh C mỗi người được hưởng: 17.592.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả chi người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn lại phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về các chi phí tố tụng: Nguyên đơn chấp nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản .

3. Về án phí: Miễn án phí DSST cho cụ L là người cao tuổi; Ông D, ông T, ông T mỗi người phải chịu 4.398.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000514 ngày 15/7/2022. Ông D, ông

T,ông T mỗi người còn phải chịu 1.034.000 đồng tiền án phí DSST. Chị H, chị T, anh C, bà T phải mỗi người phải chịu 879.600 đồng tiền án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Nghệ An;
- VKS tỉnh Nghệ An;
- VKSND H. Con Cuông;
- Chi cục THADS H. Con Cuông;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Bảo